

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách  
quý III năm 2025 của UBND phường Ninh Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NINH HÒA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Ninh Hòa về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND phường Ninh Hòa về việc điều chỉnh Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Ninh Hòa về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Văn bản số 2059/KTHTĐT ngày 13/10/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2025 của UBND phường Ninh Hòa (kèm theo các biểu mẫu).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa;
- Đảng ủy, HĐND phường (báo cáo);
- TT Văn hóa - Thông tin - TT và TN;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hồng Hải**



UBND PHƯỜNG NINH HÒA

Biểu số 113/CK TC-NSNN

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ III NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Ninh Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2025	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>93.364.000.000</b>	<b>267.482.123.182</b>	<b>2,86</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1.975.000.000	2.482.290.784	1,26
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	35.555.000.000	46.063.645.692	1,30
3	Thu bổ sung	55.834.000.000	213.895.591.490	
	- Thu bổ sung cân đối	55.834.000.000	41.800.000.000	
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	172.095.591.490	
4	Thu chuyển nguồn	0	4.189.175.022	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	0	851.420.194	
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>93.364.000.000</b>	<b>145.978.724.640</b>	<b>1,56</b>
1	Chi đầu tư phát triển	26.301.000.000	31.279.182.816	1,19
2	Chi thường xuyên	64.999.000.000	113.838.581.791	1,75
3	Chi dự phòng	2.064.000.000		0,00
4	Chi chuyển nguồn	0		
5	Chi tạm ứng	0		
6	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0	860.960.033	

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ III NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Ninh Hòa)*

Dvt: Đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM 2025		THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	7	8
	<b>TỔNG THU</b>	<b>242.596.000.000</b>	<b>93.364.000.000</b>	<b>515.598.197.453</b>	<b>267.482.123.182</b>	<b>212,53</b>	<b>286,49</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>2.609.000.000</b>	<b>1.975.000.000</b>	<b>9.135.748.691</b>	<b>2.482.290.784</b>	<b>350,16</b>	<b>125,69</b>
	Phí, lệ phí	799.000.000	165.000.000	1.370.444.600	1.092.272.800	171,52	661,98
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.480.000.000	1.480.000.000	222.196.894	222.196.894	15,01	15,01
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	0	0		0		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	0	0		0		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	0	0	1.057.268.993	0		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	0	0	170.695.000	170.695.000		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	0	0		0		
	Thu khác	330.000.000	330.000.000	6.315.143.204	997.126.090	1.913,68	302,16
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>184.153.000.000</b>	<b>35.555.000.000</b>	<b>287.526.262.056</b>	<b>46.063.645.692</b>	<b>156,13</b>	<b>129,56</b>
<b>1</b>	<b>Các khoản thu phân chia</b>	<b>171.868.000.000</b>	<b>24.498.000.000</b>	<b>255.640.917.420</b>	<b>37.380.417.867</b>	<b>148,74</b>	<b>152,59</b>
	- Thu tiền cho thuê đất			<b>27.752.656</b>			
	- Thu tiền sử dụng đất	170.370.000.000	23.000.000.000	248.910.239.511	33.602.882.514	<b>146,10</b>	<b>146,10</b>
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	108.000.000	108.000.000	42.493.536	42.493.536	39,35	39,35
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	0	0		0		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.390.000.000	1.390.000.000	6.660.431.717	3.735.041.817	479,17	268,71
<b>2</b>	<b>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>	<b>12.285.000.000</b>	<b>11.057.000.000</b>	<b>31.885.344.636</b>	<b>8.683.227.825</b>	<b>259,55</b>	<b>78,53</b>
	- Thuế thu nhập cá nhân			4.955.349.705			
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	12.285.000.000	11.057.000.000	26.929.994.931	8.683.227.825	219,21	78,53
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.189.175.022</b>	<b>4.189.175.022</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>851.420.194</b>	<b>851.420.194</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>55.834.000.000</b>	<b>55.834.000.000</b>	<b>213.895.591.490</b>	<b>213.895.591.490</b>		
	- Thu bổ sung cân đối	55.834.000.000	55.834.000.000	41.800.000.000	41.800.000.000		
	- Thu bổ sung mục tiêu	0	0	172.095.591.490	172.095.591.490		

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ III NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Ninh Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>93.364.000.000</b>	<b>26.301.000.000</b>	<b>64.999.000.000</b>	<b>145.978.724.640</b>	<b>31.279.182.816</b>	<b>113.838.581.791</b>	<b>1,56</b>	<b>1,19</b>	<b>1,75</b>
	Trong đó									
1	Chi quốc phòng	2.456.000.000	0	2.456.000.000	2.368.001.027	0	2.368.001.027	0,96		0,96
2	Chi an ninh	6.138.000.000	0	6.138.000.000	3.442.607.819	0	3.442.607.819	0,56		0,56
3	Chi giáo dục	176.000.000	0	176.000.000	21.194.609.614	0	21.194.609.614	120,42		120,42
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0	0	0	0	0	0			
5	Chi y tế	20.000.000	0	20.000.000	15.197.616	0	15.197.616	0,76		0,76
6	Chi văn hóa, thông tin	174.000.000	0	174.000.000	1.782.790.415	1.142.865.816	639.924.599	10,25		3,68
7	Chi phát thanh, truyền thanh	116.000.000	0	116.000.000	92.398.349	0	92.398.349	0,80		0,80
8	Chi thể dục thể thao	126.000.000	0	126.000.000	52.124.120	0	52.124.120	0,41		0,41
9	Chi bảo vệ môi trường	6.141.000.000	0	6.141.000.000	3.701.171.448	0	3.701.171.448	0,60		0,60
10	Chi các hoạt động kinh tế	28.261.000.000	26.301.000.000	1.960.000.000	29.000.036.433	28.196.170.000	803.866.433	1,03	1,07	0,41
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	32.397.000.000	0	32.397.000.000	69.898.656.040	1.940.147.000	67.958.509.040	2,16		2,10
12	Chi cho công tác xã hội	14.966.000.000	0	14.966.000.000	13.378.154.526	0	13.378.154.526	0,89		0,89
13	Chi khác	329.000.000	0	329.000.000	192.017.200	0	192.017.200	0,58		0,58
14	Dự phòng ngân sách	2.064.000.000			0	0	0	0,00		
15	Chi nộp ngân sách cấp trên				860.960.033					